

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN TIẾN LẬP

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Công Phương

Phản biện 1: TS. Đoàn Ngọc Phi Anh

Phản biện 2: GS. TS. Nguyễn Việt

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng hệ thống thuế có hiệu lực, được thực thi hiệu quả luôn là mục tiêu hàng đầu của mỗi một quốc gia trên thế giới. Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế, ngành thuế cần phải đẩy mạnh chiến lược cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế và một trong những chương trình trọng tâm đó là cải cách, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp. Kiểm soát thuế (KST) thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện đối mặt với nhiều thách thức; nhiệm vụ thu ngân sách ngày càng nặng nề cộng với sự gia tăng mạnh về số lượng doanh nghiệp (DN), lĩnh vực hoạt động của DN đa dạng, quy mô khác nhau, các DN đến từ nhiều nền kinh tế khác nhau trên thế giới,... trong khi cơ sở vật chất và nguồn nhân lực KST có hạn đã tạo áp lực lớn đối với công tác KST. Đây là vấn đề nan giải đặt ra không chỉ với ngành Thuế mà còn đối với các nhà hoạch định chính sách vĩ mô và toàn thể các DN.

Tại Cục thuế Quảng Nam, theo các báo cáo tổng kết cuối năm từ 2006 đến 2011, quá trình kiểm soát thuế TNDN còn hạn chế do những bất cập về chính sách, cơ chế và quy trình quản lý. Cụ thể như trong quá trình thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp một bộ phận người nộp thuế chưa tự giác tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp, cố tình gian lận thuế kéo dài từ năm này sang năm khác trong khi cán bộ chuyên trách thì chưa chú trọng phân tích hồ sơ khai thuế, chưa chủ động nắm bắt và phân loại nhóm đối tượng thường xuyên kê khai sai, chậm nộp để có hướng xử lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý kê khai. Xử lý nợ thuế còn nhiều lúng túng, việc áp dụng các biện pháp xử phạt nộp chậm tiền thuế, cưỡng chế thu nợ còn thiếu kiên quyết. Công tác đôn đốc thu nợ chưa quan tâm đúng mức, không mở sổ theo dõi nợ thuế, chưa xác định

rõ nguyên nhân và tình trạng nợ để áp dụng biện pháp thu phù hợp. Công tác kiểm tra thuế trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin, đánh giá rủi ro theo quy định của luật Quản lý thuế còn lúng túng, chưa thiết lập được đầy đủ cơ sở dữ liệu để quản lý thuế theo phương pháp rủi ro. Về hệ thống công nghệ thông tin thì một số ứng dụng của ngành thuế chưa được cập nhật dữ liệu thường xuyên nên chưa phát huy tốt trong công tác quản lý thu thuế. Trình độ cán bộ thuế và việc kiểm soát quá trình làm việc, học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ chưa được quan tâm đúng mực. Vì vậy, việc xây dựng các giải pháp để tăng cường hoàn thiện công tác KST TNDN trên địa bàn tỉnh sẽ góp phần thực hiện tốt công tác thuế tại địa bàn đồng thời đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhìn thấy được tầm quan trọng đó, tôi chọn đề tài: ***“Tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam”*** để làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở đó kết hợp với lý luận quản lý Nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp để chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của quá trình này. Từ đó đề xuất một số giải pháp có thể thực hiện được để tăng cường công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam từ năm 2006 đến năm 2011. Khoảng thời gian này được chọn là do thuộc giai đoạn triển khai Chiến lược hiện đại hóa hệ thống thuế theo Quyết định số 1629/QĐ-BTC ngày 19/5/2005 của Bộ Tài Chính.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp mô tả, phân tích, đánh giá một trường hợp thực tế. Số liệu, tư liệu thu thập trực tiếp tại cơ quan nghiên cứu. Ngoài ra, số liệu còn được thu thập thông qua phương pháp điều tra liên quan để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết về kiểm soát nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng quản lý và kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

6. Tổng quan tài liệu

Việc tập trung nghiên cứu vào một sắc thuế tại địa phương ở cơ quan thuế cấp tỉnh là rất hiếm hoi. Ở Quảng Nam cũng vậy, chưa có một nghiên cứu nào về lĩnh vực quản lý hay kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp để quản lý tốt nguồn thu này. Tuy nhiên cũng có một số bài viết chuyên đề dựa vào quá trình thanh tra thực tế tiếp cận và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát thuế đối với doanh nghiệp dựa vào các đặc điểm của doanh nghiệp. Tuy nhiên việc kiểm soát và xác định đúng đắn nghĩa vụ thuế nộp vào ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp là vấn đề nan giải. Vì vậy, nghiên cứu vấn đề kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam là khá mới mẻ với tác giả, rất mong nhận được sự góp ý chân thành từ các vị học giả và những cán bộ làm công tác thuế.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KIỂM SOÁT NGUỒN THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TỪ CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1.1. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ. Tuy nhiên, không phải toàn bộ thu nhập của cơ sở sản xuất kinh doanh đều là đối tượng điều chỉnh của thuế TNDN. Thuế TNDN chỉ điều chỉnh phần thu nhập chịu thuế. Vì việc đánh thuế vào loại thu nhập nào, đánh nặng hay đánh nhẹ vào từng loại thu nhập là tùy thuộc vào quan điểm của mỗi Nhà nước về điều tiết thu nhập qua thuế thu nhập, phụ thuộc vào khả năng quản lý thuế, chi phí quản lý thuế cũng như mục tiêu của thuế thu nhập phải đạt được để góp phần thực hiện các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ nhất định.

Thuế TNDN là thuế trực thu, đối tượng nộp thuế TNDN là các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là người chịu thuế. Thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoặc các nhà đầu tư. Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế TNDN. Thuế TNDN là thuế khấu trừ trước thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập mà các cá nhân nhận được từ hoạt động đầu tư như: lợi tức cổ phần, lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận do góp vốn liên doanh, liên kết... là phần thu nhập được chia sau khi nộp thuế TNDN. Do vậy, thuế TNDN cũng có thể coi là một biện pháp quản lý thu nhập cá nhân [14] .

1.1.2. Chức năng của thuế thu nhập doanh nghiệp

Các chức năng cơ bản của thuế TNDN là huy động và tập trung nguồn lực tài chính cho NSNN, là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. là công cụ điều hoà thu nhập, thực hiện công bằng xã hội. Ngoài ra thuế TNDN cũng là công cụ để thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động SXKD của tất cả các thành phần kinh tế nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

1.1.3. Cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định dựa trên 2 căn cứ: thu nhập chịu thuế và thuế suất.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế trong kỳ x thuế suất (%)

Thu nhập		Doanh thu tính		Chi phí hợp		Thu nhập
chịu thuế trong	=	thuế thu nhập	-	lý trong kỳ	+	chịu thuế
kỳ tính thuế		trong kỳ		tính thuế		khác

1.2. KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát thuế TNDN là một trong các chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế theo quy định của Luật quản lý thuế; kiểm soát thuế TNDN được thực hiện dựa theo quy trình được xây dựng sẵn. Kiểm soát thuế TNDN chính là việc kiểm tra, kiểm soát để xác định tính đầy đủ, chính xác số thuế TNDN mà đối tượng nộp thuế phải nộp theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn về căn cứ tính thuế TNDN như: xác định doanh thu tính thuế TNDN, các khoản chi phí hợp lý được trừ và không được trừ; các khoản lỗ; các khoản thu nhập khác; các quy định về mức thuế suất; xác định chế độ ưu đãi miễn giảm, giãn thuế.

1.2.2. Mục tiêu của kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát thuế TNDN bao gồm bốn mục tiêu cơ bản sau:

+ Kiểm soát thuế TNDN nhằm huy động đầy đủ, kịp thời số thu cho Ngân sách nhà nước từ nguồn thu thuế TNDN của các DN trên địa bàn được giao quản lý và mức thu luật định, trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

+ Kiểm soát thuế TNDN cũng chính là việc hỗ trợ người nộp thuế trong quá trình chấp hành pháp luật về thuế TNDN.

+ Kiểm soát thuế TNDN nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, các hình thức gian lận thuế TNDN giúp đem lại công bằng, hiệu quả, minh bạch trong quản lý thuế TNDN tạo sự tự giác cao của DN trong việc chấp hành pháp luật thuế TNDN, luật Quản lý thuế.

+ Kiểm soát thuế TNDN giúp cơ quan thuế phát hiện ra và điều chỉnh các sai sót, các vấn đề bất hợp lý, các kẽ hở của luật Quản lý thuế và luật thuế TNDN nhằm cải tiến các thủ tục trong quy trình quản lý thuế TNDN.

1.2.3. Nội dung, quy trình kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ tháng 7/2007 trở về trước: Cục thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện KST nói chung, thuế TNDN theo quyết định số 1368 TCT/QĐ/TCCB ngày 16/12/1998. Đặc trưng của quy trình quản lý thuế này là nhằm nâng cao tính tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thông qua việc thực hiện phương pháp tự tính, tự kê khai thuế, xóa bỏ chế độ cán bộ thuế chuyên quản người nộp thuế...

Từ tháng 07/2007 đến nay, quản lý theo mô hình chức năng có những ưu điểm như: Phản ánh đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế theo quy định của luật Quản lý thuế, có phân công, phân cấp rõ ràng. Quản lý theo mô hình chức năng phù hợp với cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, mỗi chức năng quản lý thuế như tuyên truyền - hỗ trợ, xử lý tờ khai thuế, quản

lý thu nợ và cưỡng chế thuế, kiểm tra, thanh tra thuế có một bộ phận chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ quản lý. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng đầy đủ rõ ràng, không chồng chéo, bỏ sót.

Theo luật Quản lý thuế có thể chia kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp thành 3 nhóm: (1) các thủ tục hành chính thuế bảo đảm điều kiện cho NNT kê khai, nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, (2) giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế của cơ quan QLT, (3) các chế tài bảo đảm các chính sách thuế được thực thi có hiệu lực, hiệu quả [17].

a. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp

b. Thanh tra, kiểm tra số thuế thu nhập doanh nghiệp do doanh nghiệp kê khai

c. Kiểm soát thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp

d. Kiểm soát xử lý vi phạm về thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.3.1. Mức độ tuân thủ, ý thức thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế

Người nộp thuế với các hành vi chấp hành pháp luật về thuế của họ là một yếu tố có vai trò đặc biệt đối với công tác quản lý của cơ quan thuế. Bởi vì, việc tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế là đối tượng chính của công tác quản lý thuế. Đồng thời, mức độ, trình độ hiểu biết và chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế ở mỗi quốc gia trong từng thời kỳ cũng là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến tính chất, quy mô, trình độ... cần phải có của công tác quản lý thuế. Dựa trên nghiên cứu tại Hà Nội “Hoàn thiện QLT của nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của DN” về mức độ tuân thủ của người nộp thuế của tác giả Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009) [19] mà đối tượng khảo

sát chính là người nộp thuế. Tác giả nhận thấy rằng sự tuân thủ các chính sách thuế của người nộp thuế ảnh hưởng đến quá trình quản lý các sắc thuế của cơ quan quản lý thuế không chỉ riêng ở Hà Nội mà các địa phương khác cũng vậy nên tác giả luận văn kế thừa nghiên cứu này để nghiên cứu mức độ tuân thủ của người nộp thuế dưới góc nhìn của cán bộ thuế Cục thuế tỉnh Quảng Nam, cụ thể sự ảnh hưởng của các mức độ tuân thủ như sau:

a. Các mức độ tuân thủ

Theo xu hướng QLT hiện đại, cơ quan thuế ngày càng chú trọng vào đặc điểm tuân thủ thuế của NNT. Sự tuân thủ thuế được thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau:

Mức độ “Cam kết” NNT tuân thủ một cách tích cực, hợp tác với cơ quan thuế và còn có tác động lan toả khuyến khích các đối tượng khác tuân thủ.

Mức độ “Chấp nhận” NNT chấp nhận những yêu cầu QLT và tin tưởng cơ quan thuế, sẵn sàng sửa chữa sai sót nhưng cần phải có cơ chế đảm bảo thông tin phản hồi của NNT để đảm bảo sự tuân thủ tốt.

Mức độ “Miễn cưỡng” NNT chấp hành nhưng có sự chống đối, cần kiểm tra, đôn đốc thường xuyên, đôi lúc cũng cần các biện pháp cưỡng chế, mệnh lệnh tuy nhiên cần xem xét, phân tích việc sử dụng hình phạt để cải thiện sự tuân thủ.

Mức độ “Từ chối” NNT hoàn toàn tách khỏi sự quản lý của cơ quan thuế. QLT phải sử dụng hình phạt thuế, xử lý nghiêm khi phát hiện sự không tuân thủ .

Trong quá trình thực hiện đề tài dựa trên phân lý thuyết về các cấp độ tuân thủ thuế đã nêu ra, tác giả của đề tài đã xây dựng bảng câu hỏi được trình bày trong phụ lục 1 về “các yếu tố tác động đến

quá trình kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp” trong đó có khảo sát tỷ lệ DN ở từng mức độ tuân thủ thuế để có thể đưa ra đánh giá sát thực tế.

b. Một số nhân tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế của DN
 Sự phức tạp của chính sách thuế.

Khả năng bị phát hiện trốn thuế, mức xử phạt đối với các vi phạm về thuế. Chi phí thuế lớn hơn lợi ích nhận được từ sự không tuân thủ.

Chuẩn mực đạo đức của chủ DN và trách nhiệm của DN đối với xã hội. Loại hình, quy mô, ngành nghề kinh doanh, mức độ hiểu biết về thuế, thời gian hoạt động... cũng ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ thuế của DN...[19].

1.3.2. Nhân tố thuộc về tổ chức thực hiện tại Cục thuế

Tổ chức bộ máy

Đội ngũ CBCC KST TNDN

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp là một nội dung quan trọng trong các nội dung quản lý thuế theo quy định của pháp luật thuế; kiểm soát tốt thuế TNDN tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, đảm bảo nguồn thu NSNN.. là yêu cầu cấp thiết hiện nay của cơ quan thuế.

Để việc kiểm soát thuế TNDN được tốt, mang lại hiệu quả cho DN và đảm bảo nguồn thu NSNN thì cơ quan thuế phải được tổ chức tốt, phải có quy trình kiểm soát thuế TNDN chuyên biệt, cán bộ phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đời sống được đảm bảo; hệ thống chính sách, pháp luật thuế, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công việc cần được xây dựng đồng bộ... Bên cạnh đó, ý thức và trách nhiệm của DN cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến sự thành công của công cuộc quản lý thuế nói chung, kiểm soát thuế TNDN nói riêng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

2.1.1. Tổ chức bộ máy và mô hình quản lý thuế

a. Sơ lược về Cục thuế tỉnh Quảng Nam

Cục thuế tỉnh Quảng Nam được tái lập từ khi chia tách tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cũ năm 1997, là tổ chức trực thuộc Tổng cục thuế, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước (gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Cục thuế tỉnh Quảng Nam được tổ chức theo mô hình chức năng, gồm 12 phòng chuyên môn và 18 CCT trực thuộc. Các CCT cũng được tổ chức theo mô hình chức năng. Hiện toàn ngành có 120 đội thuế, trong đó có 44 đội thuế xã, phường. Tùy theo quy mô DN mà được chia ra cho Cục thuế hay Chi cục thuế quản lý.

c. Đội ngũ cán bộ công chức

Tổng số cán bộ công chức (CBCC) của Cục thuế cuối năm 2010 là: 776 người, được bố trí ở Văn phòng Cục thuế 15,5%, 18 CCT 84,5%, trong đó có 177 CBCC ở các Đội Thuế xã, phường, chiếm 22,8% tổng số CBCC toàn ngành [7].

Bảng 2.2 - Số cán bộ trực tiếp quản lý thuế TNDN tại Cục thuế Quảng Nam

Tiêu chí	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Số cán bộ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế	5	5	5	7	12	15	17

(Nguồn số liệu của Cục thuế tỉnh Quảng Nam năm 2011).

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban thuộc Cục thuế

2.2. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

2.2.1. Số thuế thu nhập doanh nghiệp thu được qua các năm

Bảng 2.3 - Số thuế TNDN thu được qua các năm

Tiêu chí	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Số DN Cục thuế quản lý	384	449	379	534	1.434	1.638	1.785
Số DN có nộp thuế TNDN trong năm	86	71	93	187	382	271	312
Kết quả thực hiện thu thuế TNDN (ĐVT: triệu đồng)	30.299	24.685	44.551	63.191	72.857	114.275	121.342

(Nguồn: Tính toán trên cơ sở số liệu tổng hợp báo cáo của Cục thuế, 2005 – 2011)

2.2.2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp tồn đọng qua các năm và nguyên nhân

Bảng 2.4 - Số thuế TNDN tồn đọng qua các năm

Tiêu chí	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Số DN Cục thuế quản lý	384	449	379	534	1.434	1.638	1.785
Số DN có nộp thuế TNDN trong năm	86	71	93	187	382	271	312
Số nợ thuế TNDN (ĐVT: triệu đồng)	7.470	12.899	19.415	23.752	51.862	69.865	87.442

(Nguồn: Tính toán trên cơ sở số liệu tổng hợp báo cáo của Cục thuế, 2005 – 2011)

2.2.3. Xử lý vi phạm về thuế TNDN qua các năm

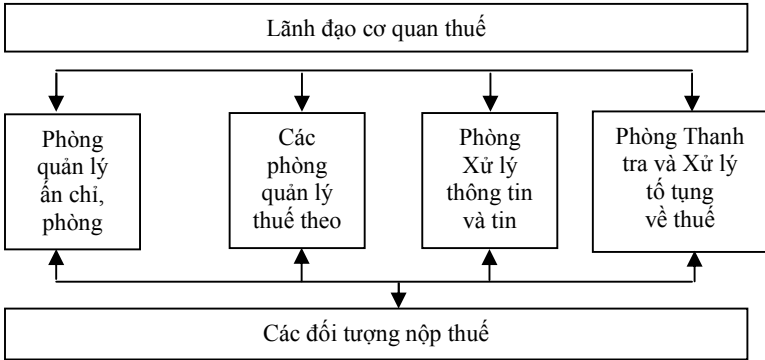
Năm 2010, nợ khó thu tăng trên 6%, nợ chờ xử lý giảm khoảng 4%, nợ chờ điều chỉnh tăng trên 200%...

Năm 2011, nợ khó thu tăng trên 34%, nợ chờ xử lý tăng khoảng 4%, nợ chờ điều chỉnh tăng trên 250%...

2.3. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

2.3.1. Thực trạng kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

a. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai và xử lý tính thuế



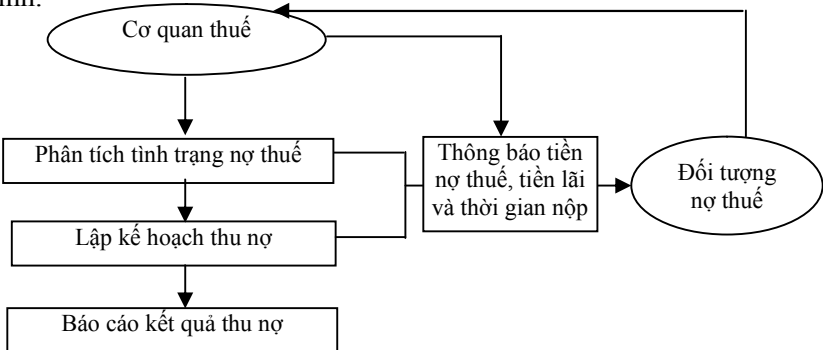
Sơ đồ 2.1- Mô hình kiểm soát thuế các doanh nghiệp

b. Thanh tra, kiểm tra, giám sát số thuế thu nhập doanh nghiệp do doanh nghiệp kê khai

Mục đích cơ bản của thanh tra, kiểm tra là nhằm tăng thu cho ngân sách, xử lý, khắc phục các sai phạm để người nộp thuế chấp hành tốt các chính sách pháp luật về thuế.

c. Kiểm soát thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát nợ thuế tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam theo mô hình:



Sơ đồ 2.3- Mô hình kiểm soát nợ thuế TNDN

d. Kiểm soát xử lý vi phạm về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

2.3.2. Khảo sát thực tế các nhân tố ảnh hưởng đến thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

a. Mẫu bảng khảo sát

b. Cách xác định ảnh hưởng dựa trên bảng câu hỏi

c. Tổng kết sau khi khảo sát: Sau khi tổng hợp các phiếu khảo sát, tác giả thu được kết quả như sau:

Sự tuân thủ chính sách thuế của DN

Hành vi của DN đối với việc bị phạt, bị cưỡng chế khi vi phạm pháp luật thuế TNDN

Trách nhiệm của cán bộ thuế đối với DN

Sự phức tạp của quy trình phân tích hồ sơ kê khai, phân tích tình trạng nợ, phân tích báo cáo quyết toán thuế TNDN

2.3.3. Đánh giá tổng hợp thực trạng công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

a. Ưu điểm

- a.1. Lĩnh vực đăng ký, kê khai thuế, hỗ trợ NNT
- a.2. Lĩnh vực thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp
- a.3. Lĩnh vực thanh tra, kiểm tra nội bộ giám sát việc tuân thủ pháp luật của cơ quan thuế
- a.4. Lĩnh vực chế tài đảm bảo chính sách thuế được thực thi có hiệu lực, hiệu quả

b. Hạn chế

- b.1. Lĩnh vực đăng ký, kê khai thuế, hỗ trợ NNT
- b.2. Lĩnh vực thanh tra, kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp
- b.3. Lĩnh vực thanh tra, kiểm tra nội bộ giám sát việc tuân thủ pháp luật của cơ quan thuế.

b.4. Lĩnh vực chế tài đảm bảo chính sách thuế được thực thi có hiệu lực, hiệu quả.

b.5. Tiến độ thực hiện nâng cấp các ứng dụng của Tổng cục thuế chưa kịp thời.

** Những hạn chế cần khắc phục từ phía cấp quản lý cao hơn*

- Chính sách thuế còn nhiều bất hợp lý

- Còn nhiều kẽ hở trong chính sách đầu tư nước ngoài, chính sách xuất nhập khẩu

- Công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn nhiều bất cập

- Thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp còn chưa hiệu quả

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp là một lĩnh vực phức tạp, đòi hỏi phải đáp ứng nhiều điều kiện mới có thể thực hiện thành công. Trong hoàn cảnh tỉnh Quảng Nam có nhiều cơ chế, chính sách riêng trong việc thu hút các nhà đầu tư đến với địa phương nên các cán bộ thuế gặp một số khó khăn nhất định trong việc quản lý, kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mặc dù đã thu được một số thành tích nhất định, nhưng nếu đánh giá một cách khách quan và toàn diện thì hoạt động chống gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam nói riêng còn nhiều hạn chế, bất cập cũng như gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai. Việc phát hiện những hạn chế, bất cập và khó khăn cũng như xác định nguyên nhân chính của những hạn chế, bất cập này là tiền đề quan trọng bậc nhất, quyết định đến kết quả của công tác chống gian lận thuế trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3**CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC
KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM****3.1. HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ TNDN
GẮN LIỀN VỚI HỆ THỐNG XỬ LÝ THÔNG TIN**

Hiện đại hóa công tác kiểm soát thuế cần hướng tới mục tiêu kiểm soát trực tiếp bằng máy tính trên cơ sở cải cách quy trình, nghiệp vụ kiểm soát một cách sâu rộng, tiến tới thực hiện kiểm soát kê khai thuế điện tử.

3.1.1. Mức độ phân tích ít***a. Các dữ liệu tổng quát về DN***

Các dữ liệu tổng quát cần thu thập khi phân tích ở mức độ ít là loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, bản chất và qui mô hoạt động; các đặc thù về cơ chế xác định doanh thu, chi phí; hệ thống chuẩn mực kế toán mà doanh nghiệp đang áp dụng.

b. Hồ sơ, cơ sở dữ liệu về DN

Hồ sơ cơ sở dữ liệu để phân tích bao gồm: Dữ liệu về tờ khai thuế TNDN và các báo cáo tài chính từ 2 năm gần nhất của doanh nghiệp; tình hình chấp hành và vi phạm của doanh nghiệp về kê khai, nộp thuế; về chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ, các thông tin thu thập từ các bên thứ ba.

c. Phân tích thông tin

Phân tích các thông tin về DN chủ yếu như sau:

- + Mức độ tuân thủ về nộp đúng hạn tờ khai thuế.
- + Mức độ tuân thủ về nộp thuế đúng hạn.
- + Sự tương ứng của doanh thu tính thuế và thuế phát sinh.
- + Thông tin từ các đối tác, khách hàng, giao dịch quốc tế.

+ Thông tin về tính chất, quy mô và tăng trưởng kinh tế của ngành nghề có liên quan đến doanh nghiệp.

+ Thông tin về các thay đổi chính sách của Nhà nước có tác động đến doanh nghiệp.

3.1.2. Mức độ phân tích trung bình

a. Các dữ liệu tổng quát về DN

Ở mức độ này dữ liệu tổng quát vẫn là loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, bản chất và qui mô hoạt động; các đặc thù về cơ chế xác định doanh thu, chi phí; hệ thống chuẩn mực kế toán mà doanh nghiệp đang áp dụng.

b. Hồ sơ, cơ sở dữ liệu về DN

+ Dữ liệu về tờ khai thuế và báo cáo tài chính từ 2 năm gần nhất của doanh nghiệp.

+ Tình hình hoàn thuế của ĐTNT (các hồ sơ hoàn thuế của ĐTNT)

+ Tình hình chấp hành và vi phạm của doanh nghiệp về kê khai, nộp thuế; về chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ.

+ Thông tin thu thập từ các bên thứ ba như Cục Hải quan, các ngân hàng mà DN có đặt mối quan hệ tín dụng, tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm...

c. Phân tích thông tin

+ Dựa vào BCTC phân tích các chỉ số tài chính cơ bản:

Chỉ số thanh toán hiện hành = *tài sản lưu động/ nợ ngắn hạn*:
 chỉ số này để đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ thuế cũng như nghĩa vụ tài chính khác trong ngắn hạn.

- Chỉ số số ngày bình quân vòng quay khoản phải thu :

Số ngày trung bình = $360 / \text{vòng quay các khoản phải thu}$

Chỉ số này cho cán bộ thuế biết về số ngày trung bình mà

doanh nghiệp thu được tiền của khách hàng để xem xét có kế hoạch thu nợ thuế phù hợp.

3.1.3. Mức độ phân tích nhiều

a. Các dữ liệu tổng quát về DN

Loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, cơ cấu tổ chức, bản chất và qui mô hoạt động.

Các đặc thù về cơ chế xác định doanh thu, chi phí; hệ thống chuẩn mực kế toán mà doanh nghiệp đang áp dụng.

b. Hồ sơ, cơ sở dữ liệu về DN

+ Dữ liệu về tờ khai thuế và báo cáo tài chính từ 3 đến 5 năm gần nhất của doanh nghiệp (trong trường hợp doanh nghiệp mới thành lập thì sử dụng toàn bộ dữ liệu về tờ khai thuế và báo cáo tài chính của những năm hiện có của doanh nghiệp);

+ Tình hình chấp hành và vi phạm của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện tính, kê khai và thu nộp thuế;

+ Thông tin thu thập từ các bên thứ ba.

c. Phân tích thông tin

+ Mức độ tuân thủ về nộp đúng hạn tờ khai thuế.

+ Mức độ tuân thủ về nộp thuế đúng hạn.

+ Sự tương ứng của doanh thu tính thuế và thuế phát sinh với kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Phân tích chiều ngang, chiều dọc các số liệu trên báo cáo tài chính (Bảng tổng kết tài sản, bảng cân đối số phát sinh) và các tờ khai thuế tháng, năm cũng như các năm để xác định các yếu tố bất thường.

+ Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Thông tin về tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp từ các cơ quan có liên quan như Đăng ký kinh doanh, Quản lý thị trường, Hải quan, Thương mại v.v...

- + Thông tin từ các đối tác, khách hàng, giao dịch quốc tế.
- + Thông tin về tính chất, quy mô và tăng trưởng kinh tế của ngành nghề có liên quan đến doanh nghiệp.
- + Thông tin về các thay đổi chính sách của Nhà nước có tác động đến doanh nghiệp.
- + Thông tin về hoạt động cộng đồng, xã hội của DN
- + Thông tin về chính sách phúc lợi, chăm sóc người lao động

3.1.4. Phân nhóm ngành để phân cấp mức độ phân tích ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam VSIC 2007

Nhóm ngành phân tích ít:

Nhóm ngành phân tích trung bình:

Nhóm ngành phân tích nhiều:

3.2. TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA SỔ THUẾ TNDN

Biện pháp kiểm soát theo chiều dọc như sau:

- + Kiểm soát chất lượng cán bộ thanh tra, kiểm tra.
- + Kiểm soát khâu thanh tra, kiểm tra của cán bộ trong lĩnh vực thuế TNDN.

Các biện pháp kiểm soát theo chiều ngang:

- + Hoàn thiện quy trình quyết toán thuế TNDN để giảm bớt công việc trong quá trình thanh, kiểm tra.
- + Xây dựng quy trình thanh tra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có số lỗi kéo dài.
- + Xây dựng quy trình đối chiếu giữa quản lý thuế TNDN và quản lý các sắc thuế có liên quan (thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu,...) .

Cục thuế tỉnh Quảng Nam có thể tham khảo các nội dung gian lận thuế TNDN theo liệt kê của tác giả bài viết bên cạnh cơ sở dữ liệu

về đối tượng nộp thuế được thu thập định kỳ theo tháng, quý, năm.

* *Gian lận thông qua chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế*

* *Tình trạng chuyển lợi nhuận ra nước ngoài*

3.3. XÂY DỰNG MA TRẬN GIAO TRÁCH NHIỆM VÀ KIỂM SOÁT KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH THU NỢ KỊP THỜI, PHÙ HỢP

3.3.1. Ma trận giao trách nhiệm

Diễn giải : C : chịu trách nhiệm trực tiếp

H : hỗ trợ

B : phải được thông báo

V : phải được tư vấn

N : phải chấp nhận

Bảng 3.2- Ma trận giao trách nhiệm

<i>Danh mục công việc</i>	<i>Trách nhiệm của Cục trưởng</i>	<i>Trách nhiệm Cục phó</i>	<i>Trách nhiệm Trưởng phòng</i>	<i>Nhân viên</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
<i>tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế</i>	-	-	H	C	B,V
<i>đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế</i>	-	-	H	C	B,V
<i>quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt</i>	H	H	C	C	B,N
<i>Kiểm tra, giám sát kê khai thuế; thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế</i>	H	H	C	C	B,N
<i>thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế</i>	H	H	C	C	B,N

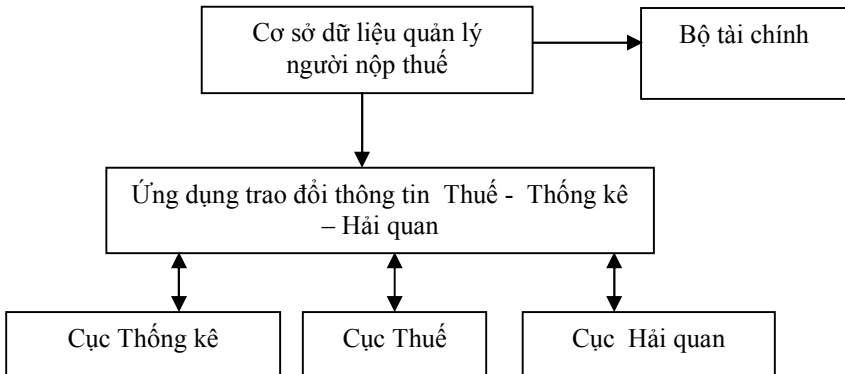
3.3.2. Phân công thu nợ thuế dựa theo ma trận giao trách nhiệm

Dựa trên ma trận giao trách nhiệm, bảng phân công công việc hằng năm của Cục trưởng Cục thuế giao cho các phòng ban để lập một ma trận giao trách nhiệm kiểm soát nợ thuế TNDN theo tình hình thực tế phù hợp với yêu cầu công việc.

3.4. TĂNG CƯỜNG PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN THUẾ VÀ CÁC CƠ QUAN HỮU QUAN

Cục thuế tỉnh Quảng Nam và các ngành có liên quan như Cục hải quan tỉnh Quảng Nam cần tăng cường sự phối hợp quản lý các giao dịch, các hoạt động của người nộp thuế hơn nữa. Cụ thể là vấn đề đối chiếu hóa đơn chứng từ không nên chỉ giới hạn trong ngành thuế mà cần mở rộng sang cả đối chiếu với ngành khác (thông qua phiếu xác minh hóa đơn) thì sẽ dễ dàng phát hiện ra các gian lận về thuế.

Mô hình hệ thống ứng dụng trao đổi cơ sở dữ liệu ngoài Cục thuế, Cục Hải quan, Cục thống kê:



Sơ đồ 3.1- Mô hình cơ sở dữ liệu dùng chung Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Thống kê

3.5. ĐÀO TẠO CÁN BỘ VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

3.5.1. Đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, kiểm soát thuế TNDN

Để có thể kiểm soát tốt thuế thu nhập doanh nghiệp đòi hỏi chính những cán bộ ngành thuế phải có đầy đủ năng lực, trình độ, phẩm chất. Vấn đề này đòi hỏi Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới cần chú trọng hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về chuyên môn và nghiệp vụ nhất là lực lượng cán bộ trẻ..

3.5.2. Tăng cường thanh tra, kiểm tra nội bộ, xây dựng quy trình kiểm soát cán bộ, công chức thuế, tìm kiếm giải pháp tăng lương cho cán bộ thuế tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

Công tác thanh tra kiểm tra nội bộ tại cơ quan thuế cần chú trọng đến các nội dung cơ bản:

- + Hoàn thiện hệ thống kiểm tra nội bộ.
- + Tuân thủ đúng quy trình kiểm tra nội bộ.

Kiểm soát chặt chẽ tài sản của từng cán bộ thuế, đây là vấn đề khó khăn nhưng cần thực hiện để tránh tham nhũng, hối lộ. Nên thành lập ban điều tra tài sản cán bộ để thực hiện việc này.

3.6. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

3.6.1 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người nộp thuế

Xây dựng và thực hiện đầy đủ các hình thức và nội dung tuyên truyền, hỗ trợ tổ chức, cá nhân nộp thuế phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân nộp.

Bên cạnh việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của NNT, cũng cần hướng dẫn để cho NNT có hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ thuế của mình. Bởi lẽ hiện nay ngành thuế đã áp dụng cơ chế tự tính, tự

khai, tự nộp thuế, chỉ khi có những hiểu biết đầy đủ họ mới có thể thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác các thủ tục, tờ khai của đơn vị mình.

3.6.2. Kiện toàn lại bộ máy ngành thuế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Đến năm 2012, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đã áp dụng trong tất cả các lĩnh vực quản lý hành chính thuế để đảm bảo phục vụ các yêu cầu quản lý cốt lõi về xử lý thông tin thuế đạt từ 95 - 100% so với nhu cầu. Cơ quan thuế cũng đã cung cấp dịch vụ điện tử cho trên 80% doanh nghiệp. Tuy nhiên việc xây dựng một hệ thống tin học tập trung, hiện đại, khoa học, thống nhất toàn ngành thuế và liên kết với ngành hải quan, thống kê, ngân hàng... là vấn đề cần phải thực hiện song song với việc cải tiến hệ thống luật pháp.

Cục thuế tỉnh Quảng Nam năm 2013 trở đi có thể triển khai chương trình “Kê khai điện tử”, điều này giúp tiết kiệm chi phí, tăng cường chất lượng kê khai và nộp thuế.

3.6.3. Thực hiện tốt Luật kế toán trong doanh nghiệp, đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán giao dịch thông qua ngân hàng

Quản lý sổ sách kế toán là điều kiện không thể thiếu đối với tất cả các doanh nghiệp. Đặc biệt các công ty nước ngoài, công ty hoạt động sản xuất đa ngành nghề, lĩnh vực thì cần phải thực hiện nghiêm ngặt các quy định sổ sách và chứng từ kế toán.

3.6.4. Cải cách đồng bộ hệ thống chính sách quản lý kinh tế xã hội nước ta

Hệ thống chính sách pháp luật Việt Nam hiện nay còn chưa thực sự đồng bộ. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mới chỉ chú trọng đồng bộ trong riêng rẽ từng ngành. Chưa có sự đồng nhất và hệ thống cho toàn bộ các ngành, các Bộ chủ quản. Các văn bản vẫn còn

tồn tại sự chông chéo trong quy định dẫn đến tình trạng còn có một vài xung đột trong thực thi và dễ gây nên kẽ hở cho các đối tượng nộp thuế thực hiện hành vi gian lận của mình.

Để chính sách cũng như những quy định của Luật thuế TNDN được áp dụng có hiệu quả thì cần tới sự đồng bộ của rất nhiều các loại hình văn bản khác và sự phối kết hợp trong xây dựng chính sách của các Ban ngành như văn bản Luật của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan. Bộ kế hoạch đầu tư... Trong qua trình thực hiện, cần có sự phối kết hợp, tăng cường trao đổi thông tin của các cơ quan chuyên môn về thuế với các cơ quan hành chính khác như Bộ, Sở Kế hoạch đầu tư, cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước địa phương...Tiến tới xây dựng một hệ thống mạng liên kết lưu trữ thông tin và kiểm tra giữa các cơ quan Nhà nước, nhằm quản lý toàn diện các hoạt động của các doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài ”tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam”, tác giả hy vọng hệ thống được những nghiên cứu về kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp, phân tích đúng thực trạng kiểm soát thuế tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

Trong nội dung đề tài này, tác giả cũng đã đề cập đến một số giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý, kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp ở Cục thuế tỉnh Quảng Nam. Đây là một vấn đề phức tạp, liên quan đến rất nhiều ngành, nhiều lĩnh vực từ quản lý, tài chính đến luật pháp... chính vì vậy nghiên cứu vấn đề này cần có cái nhìn toàn diện, kỹ lưỡng, bao trùm nhiều khía cạnh của quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Nam và cả nước, tăng cường hợp tác quốc tế và hoàn thiện ngành thuế, hải quan, thống kê, ngân hàng,...nên

tác giả chỉ có đủ khả năng đóng góp một vài giải pháp mà bản thân có thể tự mình xây dựng để áp dụng cho Cục thuế tỉnh Quảng Nam để kiểm soát nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đề tài cũng góp một phần làm rõ cơ sở lý luận cũng như thực tiễn áp dụng của việc quản lý, kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Nam. Tác giả cũng đã chỉ ra một số việc đã làm được cũng như những yếu kém còn tồn tại để trong thời gian tới đây có những điều chỉnh phù hợp. Phát huy những mặt tích cực, khắc phục những tồn tại để thuế thu nhập doanh nghiệp thực sự trở thành công cụ hữu hiệu động viên nguồn thu cho ngân sách nhà nước và thực hiện mục tiêu xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo sân chơi bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Để công tác kiểm soát thuế TNDN đạt yêu cầu cũng cần có sự phối hợp đồng bộ của rất nhiều các cơ quan ban ngành, đặc biệt là sự phối hợp liên kết quản lý cấp cao hơn cấp Cục như Tổng cục thuế, Tổng cục hải quan, Bộ kế hoạch đầu tư... Thêm vào đó cần đưa ra những giải pháp kịp thời mang tính răn đe cũng như nâng cao ý thức tự giác của toàn xã hội.

Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, việc quản lý, kiểm soát tốt thuế thu nhập doanh nghiệp cũng sẽ là một tiền đề quan trọng để Việt Nam hội nhập với các nước trên thế giới, là địa điểm hứa hẹn một môi trường đầu tư thông thoáng và bình đẳng cho các nhà đầu tư, là một địa chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài để phát triển nền kinh tế đang sa sút trong thời gian qua.